

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2017/HSST

Ngày: 20/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Duy Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Đặng Kim Trang, Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 7 năm 2017; tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 70/2017/HSST ngày 08 tháng 6 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2017/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Đoàn Văn V, tên gọi khác: **M**, sinh năm 1989 tại tỉnh Phú Yên; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; nơi ở hiện tại: Khu phố A, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; nghề nghiệp: không; con ông Đoàn C, sinh năm 1952 và bà Đào Thị T, sinh năm 1954; có 05 anh, chị, em, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1991; có vợ tên Trần Thị Thu V, sinh năm 1992; có 01 người con, sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 15/10/2012 có hành vi trộm cắp tài sản bị Công an xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên xử phạt số tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định xử phạt hành chính số 20/QĐ-XPHC ngày 21/12/2012 (đã chấp hành xong).

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2017 cho đến nay; có mặt.

2. Trần Quốc Đ, sinh năm 1983 tại tỉnh Phú Yên; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; nơi ở hiện tại: Khu phố A, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: không; con ông Trần Kim S, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; có 03 người em, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1994; có vợ tên Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1989; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án: Không; tiền sự: 03

+ Ngày 27/7/2015 bị Công an xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 31/QĐ-XPVPHC ngày 27/7/2015 (chưa chấp hành).

+ Ngày 16/3/2016 bị Công an thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 0061925/QĐ-XPHC ngày 16/3/2016 (đã chấp hành).

+ Ngày 25/3/2016 bị Công an thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 0061756/QĐ-XPHC ngày 25/3/2016 (chưa chấp hành).

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2017 cho đến nay; có mặt.

3. Lê Văn C, sinh năm 1973 tại tỉnh Phú Yên; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; nơi ở hiện tại: Khu phố A, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; nghề nghiệp: Không; con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1941; có 07 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1958, nhỏ nhất sinh năm 1989; có vợ tên Nguyễn Thị Bán L, sinh năm 1987; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2017 đến ngày 27/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

4. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1995 tại tỉnh Phú Yên; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; nơi ở hiện tại: Khu phố A, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Nguyễn T, sinh năm 1970 và bà Lê Thị T, sinh năm 1972; có 02 chị em, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2017 đến ngày 27/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

5. Đỗ Chí H, sinh năm 1979 tại tỉnh Phú Yên; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; nơi ở hiện tại: Khu phố A, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Đỗ Chí H, sinh năm 1951 và bà Lương Thị T (đã chết); có 04 anh chị, lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất sinh năm 1977; có vợ tên Võ Thị Hồng L, sinh năm 1979; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2017 đến ngày 27/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

6. Trần Thanh T, sinh năm 1979 tại tỉnh Tiền Giang; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang; nơi ở hiện tại: Khu phố A, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; trình độ văn hóa: Lớp 4/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Trần Phước C (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1947; có 05 anh chị, lớn nhất sinh năm 1968, nhỏ nhất sinh năm 1977; có vợ tên Trần Thị Thu H, sinh năm 1978 (đã ly hôn); có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2017 đến ngày 27/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

7. Lê Thế P, sinh năm 1987 tại tỉnh Phú Yên; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; nơi ở hiện tại: Khu phố A, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; nghề nghiệp: không; con ông Lê Văn D, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị H (đã chết); có 03 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1969, nhỏ nhất sinh năm 1992; có vợ tên Trần Thị Mỹ Q, sinh năm 1992; có 01 người con, sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2017 đến ngày 27/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Chí H, sinh năm 1997; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; nơi ở hiện tại: Nhà trọ C, Tổ 2, khu phố A, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ông Lê Duy H, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt

3. Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Văn Việt, Trần Quốc Đ, Lê Thế P, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn C, Đỗ Chí H và Trần Thanh T là bạn bè quen biết nhau và cùng tạm trú tại khu phố A, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Ông Lê Duy H và bà Nguyễn Thị Thu N là chủ quán nước DH thuộc khu nhà trọ Nguyễn Thị K, Tổ 2, khu phố A, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Vào khoảng 10 giờ ngày 08/02/2017, Lê Văn C, Đoàn Văn V và Trần Quốc Đ đi bộ từ phòng trọ của mình thuộc khu phố A đến quán nước của vợ chồng ông H và bà N để cùng nhau uống nước. Tại đây, C rủ V và Đ chơi đánh bài được thua bằng tiền dưới hình thức “xì dách” nhưng Việt không đồng ý và V rủ C và Đ chơi đánh bài được thua bằng tiền dưới hình thức “lắc bầu cua” thì C và Đ đồng ý. Sau đó, V đi bộ đến 01 quán tạp hóa (không rõ địa chỉ) mua 01 bộ dụng cụ lắc bầu cua và quay lại quán nước gặp C và Đ, lúc này C nhìn thấy Đỗ Chí H đang đứng trước phòng trọ của H cách quán nước của ông H và bà N khoảng 30m nên gọi H sang chơi đánh bài cùng C, V và Đ thì H đồng ý. V, Đ, C và H chuyển xuống ngồi ở sàn nhà có lát gạch men của căn kiốt có bàn bida thuộc nhà trọ Nguyễn Thị K do ông H và bà N quản lý để chơi bài. Khi chơi bài, V đứng ra làm cái và quy định số tiền đặt cược của từng người chơi mỗi ván từ 10.000 đồng đến 300.000 đồng. Từ khoảng 14 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn Đ, Trần Thanh T và Lê Thế P đi bộ từ phòng trọ của mình thuộc khu phố A đến nhìn thấy có đánh bài được thua bằng tiền nên cùng tham gia chơi.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, Công an phường T tiến hành kiểm tra và phát hiện Đoàn Văn V, Trần Quốc Đ, Lê Văn C, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Chí H, Trần Thanh T và Lê Thế P đang thực hiện hành vi đánh bài “Lắc bầu cua” được thua bằng tiền. Công an phường T tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang và tạm giữ các vật chứng gồm: Số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 7.000.000 đồng; 01 bộ lắc bầu cua gồm 03 hột xí ngầu có in hình biểu tượng các con vật tôm, cua, bầu, cá, gà, nai; 01 tấm giấy hình chữ nhật có

in hình biểu tượng như trên các hột xí ngầu; 01 đĩa băng kim loại và 01 tô bằng kim loại.

Ngoài ra, Công an phường T còn tạm giữ các tài liệu đồ vật của các đối tượng gồm: 01 điện thoại di động hiệu OPPO model R827 màu đen, 01 chứng minh nhân dân tên Trần Thanh T và số tiền 304.000 đồng (Trần Thanh T giao nộp); 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe tên Trần Quốc Đ, 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đỏ đen và số tiền 9.515.000 đồng (Trần Quốc Đ giao nộp); 01 điện thoại di động hiệu OPPO model R827 màu trắng, mặt kính trước bị vỡ; 01 sổ hộ khẩu bản sao chủ hộ Đoàn Văn V và số tiền 1.740.000 đồng (Đoàn Văn V giao nộp); 01 điện thoại Nokia model 105 màu đen, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe tên Lê Thế P và số tiền 3.000.000 đồng (Lê Thế P giao nộp); 01 chứng minh nhân dân tên Lê Văn C (Lê Văn C giao nộp); 01 chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn Đ (Nguyễn Văn Đ giao nộp); 01 điện thoại di động hiệu Mobisatr model B248 màu đỏ đen, 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe tên Đỗ Chí H (Đỗ Chí H giao nộp) và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu trắng (Đỗ Chí H giao nộp).

Công an phường T chuyển giao hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Cáo trạng số 73A/QĐ-KSĐT ngày 08/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Đoàn Văn V, Trần Quốc Đ, Lê Văn C, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Chí H, Trần Thanh T và Lê Thế P phạm tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự:

- + Xử phạt bị cáo Đoàn Văn V từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù;

- + Xử phạt bị cáo Trần Quốc Đ từ 05 (năm) tháng 12 (mười hai) ngày đến 07 (bảy) tháng tù;

- + Xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù;

- + Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng);

- + Xử phạt bị cáo Đỗ Chí H từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự:

- + Xử phạt bị cáo Trần Thanh T từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng);

- + Xử phạt bị cáo Lê Thế P từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 8.840.000 đồng (tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng);

+ Tịch thu, tiêu huỷ các vật chứng gồm: 01 bộ lắc bầu cua gồm 03 hột xí ngầu có in hình biểu tượng các con vật tôm, cua, bầu, cá, gà, nai; 01 tấm giấy hình chữ nhật có in hình biểu tượng như trên các hột xí ngầu; 01 đĩa bằng kim loại và 01 cái tô bằng kim loại;

+ Trả lại cho các bị cáo: 01 điện thoại di động hiệu OPPO model R827 màu đen; 01 chứng minh nhân dân tên Trần Thanh T; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe tên Trần Quốc Đ; 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đỏ đen; 01 điện thoại di động hiệu OPPO model R827 màu trắng, mặt kính trước bị vỡ; 01 sổ hộ khẩu bản sao chủ hộ Đoàn Văn V; 01 điện thoại Nokia model 105 màu đen; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe tên Lê Thế P; 01 chứng minh nhân dân tên Lê Văn C; 01 chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại di động hiệu Mobistar model B248 màu đỏ đen, 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe tên Đỗ Chí H và số tiền 12.719.000 đồng (trong đó của bị cáo Đ là 9.515.000 đồng; bị cáo T 204.000 đồng; bị cáo P 3.000.000 đồng).

+ Trả lại cho ông Đỗ Chí H 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu trắng.

Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo trình bày thống nhất với nội dung bản Cáo trạng số 73A/QĐ-KSĐT ngày 08/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T và khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Bị cáo Đoàn Văn V khai: V mang theo số tiền 2.100.000 đồng, sử dụng 1.600.000 đồng còn 500.000 đồng không sử dụng đánh bạc, quá trình đánh bạc V thắng được 2.540.000 đồng. Khi lực lượng công an vào bắt quả tang V cầm trên tay số tiền 2.400.000 đồng nên bị thu giữ ở biên bản bắt người phạm tội quả tang. Ngoài ra, thu giữ trên người V số tiền 1.740.000 đồng, đây là số tiền V bỏ vào trong người khi thắng bạc. Số tiền 500.000 đồng không sử dụng để đánh bạc V đã cho Nguyễn Văn Đ mượn trước đó.

Bị cáo Trần Quốc Đ khai: Đ mang theo số tiền khoảng 10.500.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc. Khi công an bắt quả tang Đ thắng số tiền 2.240.000 đồng và cầm trên tay số tiền 3.240.000 đồng nên bị thu giữ ở biên bản phạm tội quả tang. Ngoài ra, Công an lập biên bản thu giữ số tiền 9.515.000 đồng Đ bỏ trong người, số tiền này không sử dụng để đánh bạc.

Bị cáo Lê Văn C khai mang theo số tiền 500.000 đồng để đánh bạc. Khi bị Công an bắt C thắng được số tiền 570.000 đồng cầm trên tay 1.070.000 đồng nên bị thu giữ ở biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Bị cáo Đỗ Chí H khai sử dụng 130.000 đồng để đánh bạc, thua số tiền 30.000 đồng còn lại 100.000 đồng đang cầm ở tay thì bị Công an bắt quả tang và thu giữ.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ khai sử dụng số tiền 260.000 đồng để đánh bạc nhưng thua hết nên mượn thêm của V số tiền 500.000 đồng để tiếp tục đánh. Khi bị công an bắt quả tang Đ thua 570.000 đồng còn lại 190.000 đồng thì bị thu giữ trong biên bản bắt quả tang. Như vậy tổng số tiền Đ sử dụng đánh bạc là 760.000 đồng.

Bị cáo Trần Thanh T khai mang theo số tiền 304.000 đồng, sử dụng số tiền 100.000 đồng để đánh bạc, còn 204.000 đồng không sử dụng đánh bạc, khi bị bắt quả

tang T không thắng không thua. Thu giữ trên người T số tiền 304.000 đồng, trong đó 100.000 đồng sử dụng đánh bạc, 204.000 đồng không sử dụng đánh bạc.

Bị cáo Lê Thế P khai mang theo 3.010.000 đồng và sử dụng 10.000 đồng để tham gia đánh bạc còn 3.000.000 đồng không sử dụng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang lúc này P không thắng không thua. Thu giữ trên người số tiền 3.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc, còn 10.000 thu giữ trên chiếu bạc.

Quá trình điều tra và tại phiên toà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Lê Duy H trình bày: Ông H là chủ quán nước và quản lý ki ốt có bàn bi da nơi Đoàn Văn V, Trần Quốc Đ, Lê Văn C, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Chí H, Trần Thanh T và Lê Thế P đánh bạc. Khi V cùng đồng phạm có ý định tổ chức lắc bầu cua được thua bằng tiền tại quán thì ông H không đồng ý. Sau đó, ông H đi đến thành phố B, tỉnh Đồng Nai thăm gia đình. Việc V cùng đồng phạm đánh bài được thua bằng tiền ông H không biết.

Bà Nguyễn Thị Thu N trình bày: Bà N là vợ của ông Lê Duy H. Khi V cùng đồng phạm tổ chức lắc bầu cua được thua bằng tiền thì bà N không biết vì mãi lo bán hàng và giữ con nhỏ ở bên kiốt khác.

Ông Đỗ Chí H trình bày: Ông H không tham gia mà chỉ đứng xem các bị cáo lắc bầu cua được thua bằng tiền, khi Công an bắt quả tang thì ông bị thu giữ một điện thoại di động. Nay ông yêu cầu được nhận lại điện thoại.

Quá trình điều tra những người làm chứng trình bày: Vào ngày 08/02/2017 những người làm chứng không tham gia nhưng có chứng kiến các bị cáo lắc bầu cua được thua bằng tiền. Khi Công an bắt quả tang thì có thu giữ trên chiếu bạc 7.000.000 đồng.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo trình bày: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi đánh bài được thua bằng tiền của các bị cáo là phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm được trở về nhà phụng dưỡng cha mẹ già và chăm sóc các con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với các bị cáo là đúng thẩm quyền. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:

Vào ngày 08/02/2017, tại Ki ốt thuộc nhà trọ Nguyễn Thị K; địa chỉ: Tổ 2, khu phố A, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, do vợ chồng ông Lê Duy H và bà Nguyễn Thị Thu N quản lý, các bị cáo Đoàn Văn V, Trần Quốc Đ, Lê Văn C, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Chí H, Trần Thanh T và Lê Thế P đã thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền với hình thức “lắc bầu cua”. Theo biên bản phạm tội quả tang số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 7.000.000 đồng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 248 của Bộ Luật Hình sự thì “Người nào đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm”. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bài được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật hình sự. Tuy nhiên, vì muốn nhanh chóng có tiền mà không phải lao động và thái độ coi thường pháp luật nên cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo không có tổ chức mà chỉ là nhất thời phạm tội mang tính đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Lê Văn C là người đưa ra đề nghị đánh bài được thua bằng tiền, bị cáo Đoàn Văn V là người đề nghị đánh bài được thua bằng tiền, người làm cái và cũng là người chuẩn bị công cụ phạm tội là 01 bộ lắc bầu cua, các bị cáo khác không phản đối mà cùng tham gia. Do đó, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng số 73A/QĐ-KSĐT ngày 08/6/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự cũng như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại Điểm h và p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Trần Thanh T thuộc diện hộ nghèo (Ủy ban nhân dân xã T, huyện Gò Công cấp sổ hộ nghèo); bị cáo Lê Thế P có ông nội là liệt sĩ nên các bị cáo Trần T và Lê Thế P còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ quyết định hình phạt:

Xét thấy bị cáo Đoàn Văn V phạm tội với vai trò đề xuất và thực hành tích cực, bị cáo V thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị xử phạt hành chính, đã chấp hành xong nên không coi là tiền sự nhưng cũng thể hiện có nhân thân xấu; bị cáo Trần Quốc Đ có nhiều tiền sự về hành vi đánh bạc, trong vụ án này phạm tội với vai trò thực hành tích; Bị cáo Lê Văn C phạm tội với vai trò đề xuất và thực hành tích. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo V, Đ và C; cần phải cách ly cộng đồng xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đỗ Chí H, Trần Thanh T và Lê Thế P phạm tội với vai trò thực hành tích cực, trước khi phạm tội có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ,

tại phiên toà thể hiện thái độ ăn năn hối cải nếu cho các bị cáo được cải tạo tại cộng đồng cũng không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo nói trên cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo Đoàn Văn V, Trần Quốc Đ, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Chí H, Trần Thanh T và Lê Thế P là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, đối với bị cáo Lê Văn C là quá nặng vì C thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đề xuất nhưng các bị cáo không chơi hình thức xì dách theo đề xuất của bị cáo C mà chơi lắc bầu cua theo đề xuất của bị cáo V. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo C nhẹ hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền 8.840.000 đồng (tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) là công cụ, phương tiện phạm tội; căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Đối với các vật chứng gồm: 01 bộ lắc bầu cua gồm 03 hột xí ngầu có in hình biểu tượng các con vật tôm, cua, bầu, cá, gà, nai; 01 tấm giấy hình chữ nhật có in hình biểu tượng như trên các hột xí ngầu; 01 đĩa bằng kim loại và 01 cái tô bằng kim loại là công cụ, phương tiện phạm tội; căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu, tiêu hủy.

Đối với các vật chứng gồm: 01 điện thoại di động hiệu OPPO model R827 màu đen; 01 chứng minh nhân dân tên Trần Thanh T; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe tên Trần Quốc Đ; 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đỏ đen; 01 điện thoại di động hiệu OPPO model R827 màu trắng, mặt kính trước bị vỡ; 01 sổ hộ khẩu bản sao chủ hộ Đoàn Văn V; 01 điện thoại Nokia model 105 màu đen; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe tên Lê Thế P; 01 chứng minh nhân dân tên Lê Văn C; 01 chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại di động hiệu Mobistar model B248 màu đỏ đen, 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe tên Đỗ Chí H; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu trắng và số tiền 12.719.000 đồng (trong đó của bị cáo Trần Quốc Đ là 9.515.000 đồng; bị cáo T 204.000 đồng; bị cáo P 3.000.000 đồng) không liên quan đến việc phạm tội; căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Chí H.

[8] Về kiến nghị: Hội đồng xét xử thấy không có văn bản hành chính hoặc hành vi hành chính nào của cơ quan nhà nước vi phạm nên không kiến nghị.

Tuy nhiên, đối với các đối tượng cùng tham gia đánh bạc ngày 08/02/2017 được thua bằng tiền nhưng chưa xác định được nhân thân, kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về việc xem xét việc áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn: Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục tạm giam đối với bị cáo Đoàn Văn V và Trần Quốc Đ; cần tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Lê Văn C để đảm bảo việc thi hành án. Đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đỗ Chí H, Trần Thanh

T và Lê Thế P được áp dụng hình phạt tiền nên không cần thiết tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

[9] Về chi phí tố tụng: Theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Đoàn Văn V, Trần Quốc Đ, Lê Văn C, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Chí H, Trần Thanh T và Lê Thế P phạm tội “Đánh bạc”;

2. Về hình phạt:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đoàn Văn V 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/02/2017.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Quốc Đ 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/02/2017.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn C 03 (ba) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày bắt để thi hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2017 đến ngày 27/4/2017.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Đỗ Chí H mỗi bị cáo số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt các Trần Thanh T và Lê Thế P mỗi bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử:

+ Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 8.840.000 đồng (*tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*);

+ Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ dụng cụ dùng để chơi lắc bầu cua gồm: 03 hột xí ngầu có in hình tôm, cua, cá, gà, nai và bầu; 01 tấm giấy hình chữ nhật có in các hình tôm, cua, cá, gà, nai và bầu; 01 đĩa bằng kim loại và 01 cái tô bằng kim loại.

- Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử:

+ Trả lại cho bị cáo Đoàn Văn V 01 điện thoại di động hiệu OPPO model R827 màu trắng và 01 sổ hộ khẩu bản sao chủ hộ Đoàn Văn V;

+ Trả lại cho bị cáo Trần Quốc Đ 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Quốc Đ số 221139527; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Quốc Đ (AB474377); 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đỏ - đen, số IMEI:

301014151403893 và số tiền 9.515.000 đồng (chín triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng).

+ Trả lại cho bị cáo Lê Văn C 01 chứng minh nhân dân tên Lê Văn C số 220819197;

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn Đ số 221411863;

+ Trả lại cho bị cáo Đỗ Chí H 01 chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Chí H số 220981600; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Đỗ Chí H (AD442637) và 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu đỏ-đen số IMEI: 352248024464785, model B248;

+ Trả lại cho bị cáo Trần Thanh T 01 chứng minh nhân dân tên Trần Thanh T số 311544226; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen, model R827 và số tiền 204.000 đồng (hai trăm lẻ bốn nghìn đồng).

+ Trả lại cho bị cáo Lê Thế P 01 giấy chứng minh nhân dân số 221185578; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Lê Thế P (Y901308); 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI: Không rõ và số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

+ Trả lại cho ông Đỗ Chí H 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu trắng, số IMEI: 351950/05/852976/6.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/6/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã T).

4. Huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đỗ Chí H, Trần Thanh T và Lê Thế P.

5. Về chi phí tố tụng: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Các bị cáo Đoàn Văn V, Trần Quốc Đ, Lê Văn C, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Chí H, Trần Thanh T và Lê Thế P, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

6.1. Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6.2. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- PV27, Công an tỉnh Bình Dương (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- Công an thị xã T (01);
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- Người tham gia tố tụng (10)
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hiền